**HAMBOORG.CITY**

Nền tảng miễn phí cho người nước ngoài tại Đức

✓ Trợ lý 24/7 bằng ngôn ngữ của bạn
✓ Máy quét tài liệu chính thức
✓ Nhắc nhở về thời hạn
✓ Máy tính trợ cấp

**hamboorg.city — là và sẽ luôn MIỄN PHÍ**

# Lohnabrechnung — Phiếu lương ở Đức

Hướng dẫn chi tiết về cấu trúc phiếu lương (Lohnabrechnung) ở Đức, bao gồm các khoản thu nhập, các khoản khấu trừ và cách tính lương ròng.

**Deutsche Begriffe:** Lohnabrechnung | Gehaltsabrechnung | Brutto | Netto | Abzüge | Steuerklasse | Steuer-ID | Sozialversicherungsnummer | Zuschläge | Urlaubsgeld | Weihnachtsgeld | Lohnsteuer | Solidaritätszuschlag | Kirchensteuer | Rentenversicherung | Krankenversicherung | Pflegeversicherung | Arbeitslosenversicherung | Beitragsbemessungsgrenze | Arbeitgeberanteil | Grundfreibetrag | Lohnsteuerbescheinigung | vermögenswirksame Leistungen

---

# Lohnabrechnung — Bảng lương

## Bạn sẽ tìm thấy gì trong bảng lương?

Thông tin cơ bản:

• Dữ liệu cá nhân của bạn, Steuer-ID, Sozialversicherungsnummer

• Mã lớp thuế (Steuerklasse) — xác định mức Lohnsteuer

Thu nhập (Brutto):

• Lương/Tiền công (cơ bản), Zuschläge (phụ cấp đêm/cuối tuần), Thưởng/Tiền thưởng

• Urlaubsgeld (phụ cấp nghỉ phép), Weihnachtsgeld (lương lần thứ 13)

Khấu trừ (Abzüge) — mức lao động 2026:

| Đóng góp | % từ brutto (phần lao động) |
|---|---|
| Lohnsteuer | tùy theo Steuerklasse |

| Đóng góp | % từ brutto (phần lao động) |
|---|---|
| Solidaritätszuschlag | 5,5% thuế (chỉ thu nhập cao hơn) |
| Kirchensteuer | 8–9% thuế (nếu bạn là thành viên nhà thờ) |
| Rentenversicherung | 9,3% |
| Krankenversicherung | 7,3% + ~nửa Zusatzbeitrag (~1,4%) |
| Pflegeversicherung | 1,8% (2,4% không có con em 23+) |
| Arbeitslosenversicherung | 1,3% |

**Quan trọng:** nửa thứ hai của các đóng góp xã hội do nhà tuyển dụng thanh toán (Arbeitgeberanteil) — chi phí thực tế cho công việc của bạn cao hơn nhiều so với brutto. Các đóng góp chỉ được tính đến **Beitragsbemessungsgrenze** (2026: sức khỏe/chăm sóc 66.150€/năm, lương hưu/thất nghiệp 101.400€/năm) — trên mức đó thì không còn tăng.

### Netto:

**Đây là những gì bạn nhận được trên tài khoản.** Khoảng đầu tiên ~12.348€ thu nhập hàng năm được miễn thuế (Grundfreibetrag 2026).

## Ví dụ: 3.500€ brutto (Steuerklasse 1, không có con):

| Mục | Số tiền |
|---|---|
| Brutto | 3.500€ |
| − Lohnsteuer | ~450€ |
| − Soli | 0€ (dưới ngưỡng) |
| − Rentenversicherung | ~325€ |
| − Krankenversicherung | ~280€ |
| − Pflegeversicherung | ~70€ |
| − Arbeitslosenversicherung | ~45€ |
| **= Netto** | **~2.330€** |

## Ở đâu để kiểm tra?

Máy tính brutto-netto:

• brutto-netto-rechner.info

• nettolohn.de

## Quan trọng cho người nước ngoài!

• Kiểm tra bảng lương của bạn mỗi tháng — lỗi trong Steuerklasse hoặc đóng góp thường xuyên xảy ra

• Giữ bảng lương và **Lohnsteuerbescheinigung** hàng năm — cần thiết cho tờ khai thuế, vay vốn, nhà ở, Elterngeld và gia hạn visa

• Minijob đến 603€ có bảng lương đơn giản hóa — không có khấu trừ ngoài lương hưu

• Một số nhà tuyển dụng cung cấp **vermögenswirksame Leistungen** (VL) — hãy hỏi phòng Nhân sự